TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 460 /2025/HNGĐ-ST
Ngày : 16 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp ly hôn giữa bà Huỳnh Mỹ L và Ông Lâm Lập T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa : Bà Trần Thị Thu Hiệp
Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Danh Cư

2/ Bà Dương Triều Xuân

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Võ Thị Bạch Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện *Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: Bà Dương Thị Thanh Nhàn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 501/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/6/2025 về việc "Tranh chấp về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 468/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Huỳnh Mỹ L, sinh năm 1978**
Địa chỉ: Số 154E/11 đường L, phường B, TP. H. (có mặt)

2. Bị đơn: **Ông Lâm Lập T, sinh năm 1974**
Địa chỉ: Số 146/1G đường N, phường P, TP. H. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/5/2025, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 27/8/2025, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Huỳnh Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Mỹ L và Ông Lâm Lập T tự nguyện sống chung vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T (nay là Ủy ban nhân dân phường P), Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 09/01/2004.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn vì lý do không hợp nhau về quan niệm sống. Dù hai bên đã nhiều lần hàn gắn hạnh phúc nhưng không T, nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin giữ nguyên yêu cầu ly hôn với Ông Lâm Lập T.

Về con chung: Bà Huỳnh Mỹ L và Ông Lâm Lập T có 01 con chung tên Lâm Nguyễn B sinh ngày 27/9/2006. Con chung đã thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Huỳnh Mỹ L xác nhận bà và Ông Lâm Lập T không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/8/2025, biên bản hòa giải ngày 27/8/2025, và tại phiên tòa bị đơn Ông Lâm Lập T trình bày: Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ít lắm, cải nhau cũng ít. Do giận nên bà L bỏ 2 ba con đi ở riêng vào cuối năm 2023.

Nay Bà Huỳnh Mỹ L xin ly hôn thì ông T không đồng ý ly hôn vì muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, gia đình 2 bên dòng họ, con hiện nay đang học Đại học. Ông T vẫn còn thương vợ, thương con, ông T muốn vợ chồng cùng nhau lo lắng chăm sóc cho con học Đại học.

Về con chung: Ông T và bà L có 01 con chung tên Lâm Nguyễn B sinh ngày 27/9/2006. Con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: Ông T và bà L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T và bà L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không T, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn đều khai thống nhất về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung, chỉ không thống nhất về mâu thuẫn dẫn đến xin ly hôn. Theo đó:

- *Ý kiến của nguyên đơn Bà Huỳnh Mỹ L:* Bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông T. Ông T nhậu say về gây rổ, hay xúc phạm bà. Bà L đã dọn ra ở riêng (thuê nhà trọ sống) cách nay hơn 02 năm.

- *Ý kiến của bị đơn Ông Lâm Lập T:* Ông T không muốn ly hôn vì muốn giữ danh dự cho dòng họ, đợi con học xong Đại học thì mới giải quyết. Trong thời gian bà L bỏ về nhà ngoại sống, ông có ghé mấy lần hỏi thăm nhưng không gặp được bà L, không liên lạc được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn: Tại phiên tòa, bị đơn ông T cũng xác nhận bị đơn níu kéo vì muốn giữ danh dự cho dòng họ, thực tế vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm, tình cảm vợ chồng không còn. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn yêu cầu ly hôn của Bà Huỳnh Mỹ L thì đây là tranh chấp ly hôn theo yêu cầu một bên. Do bị đơn Ông Lâm Lập T cư trú tại phường P (phường X, Quận T cũ), TP. H nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Huỳnh Mỹ L, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Bà Huỳnh Mỹ L và Ông Lâm Lập T chung sống năm 2003, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T (nay là Ủy ban nhân dân phường P), Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 005 ngày 09/01/2004 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Bà Huỳnh Mỹ L yêu cầu được ly hôn với Ông Lâm Lập T: Xét quá trình chung sống, bà L và ông T đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà L trình bày tại bản tự khai và tại phiên toà là do vợ chồng không hợp nhau về quan niệm sống. Bà L giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với Ông Lâm Lập T vì ông T nhậu say về gây rổ, hay xúc phạm bà. Bà L đã dọn ra ở riêng (thuê nhà trọ sống) cách nay hơn 02 năm.

Riêng Ông Lâm Lập T trình bày là trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn ít, cải nhau cũng ít. Do giận nên bà L bỏ hai cha con đi ở riêng vào cuối năm 2023. Nay Bà Huỳnh Mỹ L xin ly hôn thì ông T không đồng ý ly hôn vì muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình, vì muốn giữ danh dự cho dòng họ, con hiện nay đang học Đại học. Ông T vẫn còn thương vợ, thương con, ông T muốn vợ chồng cùng nhau lo lắng chăm sóc cho con học Đại học.

Xét thấy, trong thời gian bà L và Ông Lâm Lập T sống ly thân ở hai nơi riêng biệt, Ông Lâm Lập T đã dùng mọi biện pháp tích cực để cải thiện tình cảm vợ chồng, mong muốn bà L hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Thực tế vợ chồng đã ly thân đã lâu hơn 02 năm, tình cảm vợ chồng không còn. Trước đó, bà L đã có 01 lần nộp đơn xin ly hôn ở Toà án nhân dân Quận T-TP.HCM nhưng bà L rút đơn kiện về để vợ chồng có thời gian suy nghĩ thêm nhưng đến nay vẫn không thể hàn gắn được.

Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho bà L và ông T đoàn tụ nhưng bà L vẫn cương quyết xin ly hôn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài và hai bên đã tự sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn yêu thương nhau, không giúp đỡ nhau để cùng nhau phát triển. Bên cạnh đó, ông T không tích cực hàn gắn tình cảm vợ chồng, cũng không xem trọng cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nhận thấy không có sự cần thiết giữ gìn mối quan hệ này nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Bà Huỳnh Mỹ L.

Về con chung: Bà Huỳnh Mỹ L và Ông Lâm Lập T có 01 con chung tên Lâm Nguyễn B sinh ngày 27/9/2006 (đã thành niên). Do con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L và ông T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà L và ông T xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, Điều 9, Điều 19; Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn Bà Huỳnh Mỹ L:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Mỹ L được ly hôn với Ông Lâm Lập T (Giấy chứng nhận kết hôn số 005 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận T (nay là Ủy ban nhân dân phường P), Thành phố H cấp ngày 09/01/2004).

2. Về con chung: Bà Huỳnh Mỹ L và Ông Lâm Lập T có 01 con chung tên Lâm Nguyễn B sinh ngày 27/9/2006 (đã thành niên). Do con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Bà L và ông T xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, Bà Huỳnh Mỹ L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0074162 ngày 16/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Mỹ L đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND.TPHCM;
- VKSND Khu vực 10-TP.HCM;
- Cơ quan THADS TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

Trần Thị Thu Hiệp